

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày 14/01/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Năm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Tân và ông Phùng Văn Thi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Huyền Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khắc Bằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 01 năm 2025 và ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 51/2024/TLST-HS, ngày 29 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thanh B; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 12 tháng 6 năm 1990, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12;

Con ông Nguyễn Văn Q (Đã chết) và bà Khuất Thị K; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 10/2019/HS-ST ngày 06/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/10/2019, nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 17/4/2019.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Mai Xuân H; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11 tháng 10 năm 1990, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12.

Con ông Mai Văn C và bà Đỗ Thị B1; Vợ: Lê Thị Thu T; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Anh S, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Trịnh Xuân C1, sinh năm 1984 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu H, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Phạm Xuân H1, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu F, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Phạm Văn S1, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu F, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1986 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu G, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Đinh Ngọc K1, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu C, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Phùng Văn H2, sinh năm 1994 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu D, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Mai Tuấn L, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 45 phút, ngày 25/06/2024, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân xã Đ, Công an huyện T phối hợp cùng chính quyền địa phương xã Đ để tiến hành xác minh, phát hiện tại nhà ở của Nguyễn Thanh B – sinh năm 1990 thuộc khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ có 05 người đang ngồi đánh bạc dưới hình thức đánh Ba cây được thua bằng tiền gồm: (1) Nguyễn Thanh B (chủ nhà); (2) Nguyễn Văn C2, sinh năm 1978; (3) Vòong Chí H3, sinh năm 1984; (4) Phạm Chí Đ, sinh năm 1963; (5) Phạm Phú H4, sinh năm 1986, cùng trú tại khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Công an huyện T, đã lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc thu giữ:

Tổng số tiền 3.630.000đ (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) tại chiều bạc và một số đồ vật, tài sản có liên quan theo quy định, gồm:

- 52 (Năm mươi hai) quân bài tú lơ khơ, có một mặt màu xanh, đã qua sử dụng.
- 01 (một) tấm thảm lót ghế trải salon dạng hình vuông, có nhiều hoa văn màu đỏ, trắng; kích thước mỗi cạnh 52cm. Đã qua sử dụng.
- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng vàng hồng (Rose gold), dung lượng 32 GB, số IMEI: 359172073753240, gắn sim số thuê bao: 0867920444. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng của Nguyễn Thanh B.
- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, màu xám (Gray), dung lượng 32 GB, số IMEI: 352022077832630, gắn sim số thuê bao: 0328576019. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng của Voòng Chí H5.
- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Reami 13C, màu đen, số IMEI 1: 864079073756842, số IMEI 2: 86407903756859, gắn sim số thuê bao: 0972891143. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng của Phạm Chí Đ.
- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung Garaxy A6, màu đen, số IMEI 1: 357931092319354, số IMEI 2: 357932092319352, gắn sim số thuê bao: 0972211928. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng của Phạm Phú H4.
- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn: Đỏ, gắn BKS 19K1-191.44; số máy: HC12E-5668318; số khung: RLHHC1217DY668357., Tình trạng xe đã qua sử dụng. Trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì.
- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu DRIN, màu sơn: Nâu; kiểu dáng xe Dream do Trung Quốc sản xuất, gắn BKS: 19H6-2957; số máy: FMG310356427; số khung: DR10000001519. Tình trạng xe đã qua sử dụng. Trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì.
- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn: Nâu; gắn BKS: 19K5-9805; số máy: C100ME-0204404; số khung: C100M-0204404. Tình trạng xe đã qua sử dụng. Trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì.

Quá trình xác minh, điều tra xác định: tổng số tiền mà những người chơi sử dụng để đánh bạc dưới hình thức Ba cây ngày 25/6/2024 là 4.130.000đ (Bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng). Xác minh nhân thân đối với Phạm Chí Đ, Nguyễn Văn C2, Phạm Phú H4; Voòng Chí H5: Chưa có tiền án, tiền sự.

Do lượng tiền đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên hành vi đánh bạc của Nguyễn Thanh B, Phạm Chí Đ, Nguyễn Văn C2, Phạm Phú H4; Voòng Chí H5 và hành vi dùng nhà của mình để chứa chấp việc đánh bạc của Nguyễn Thanh B ngày 25/6/2024 được xác định là hành vi vi phạm hành chính. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã chuyển phần hồ sơ có liên quan đến Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng theo quy định.

Tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại thu giữ của Nguyễn Thanh B phát hiện B còn có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề với Mai Xuân H - sinh năm 1990, trú tại khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ và có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Ngày 27/6/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Lệnh khám xét khẩn cấp người, chỗ ở đối với Nguyễn Thanh B. Kết quả khám xét đã phát hiện, thu giữ, tạm giữ một số đồ vật, tài liệu có liên quan, gồm:

- + 01 (một) quyển vở ô ly, nhãn hiệu “VP VIỆT HÀ”, trong đó 13 tờ có ghi các chữ, số, ký hiệu bằng mực màu xanh.

- + 01 (một) tờ giấy A4, một mặt của tờ A4 có ghi nội dung anh Phạm Văn S1, trú tại khu F, Đ, T, Phú Thọ vay của Nguyễn Thanh B số tiền 20.000.000đ ngày 02/01/2024.

- + 01 (một) tờ giấy A4, một mặt của tờ A4 có ghi nội dung anh Trịnh Xuân C1, sinh năm 1984, trú tại khu E, Đ, T, Phú Thọ vay của Nguyễn Thanh B số tiền 100.000.000đ ngày 17/06/2024.

- + 01 (một) tờ giấy vở kẻ ngang, một mặt của tờ giấy ghi nội dung anh Mai Tuấn L, trú tại khu E, Đ, T, Phú Thọ vay của Nguyễn Thanh B số tiền 20.000.000đ ngày 12/02/2024.

- + 01 (một) thẻ Căn cước công dân mang tên PHẠM XUÂN H1.

- + 01 (một) thẻ Căn cước công dân mang tên NGUYỄN VĂN T1.

- + 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên NGUYỄN VĂN G.

- + 01 (một) chiếc bút bi nhãn hiệu TL-036, vỏ màu xanh, mực màu xanh, đã qua sử dụng.

Ngày 27/6/2024, Công an huyện T quyết định chuyển vụ việc hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra xác định: Do B và H1 có mối quan hệ quen biết bạn bè, có hộ khẩu thường trú cùng khu dân cư với nhau. B biết H1 có bán số lô, số đề cho khách có nhu cầu mua nên B đã có hành vi đánh bạc mua các số lô, số đề của H1. Cụ thể:

Về cách thức đánh bạc các bên thỏa thuận: căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền B mở thưởng vào hồi 18 giờ 15 phút hàng ngày sẽ đối chiếu thắng thua rồi thanh toán cho nhau. Đối với chơi số đề: Người đánh bạc được tùy ý mua của H1 các số tự nhiên có hai chữ số từ 00 đến 99. Nếu số đã mua trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt thì thắng bạc (trúng đề), tỷ lệ thắng là đánh 1 ăn 70. Đối với chơi số lô: Người đánh bạc được tùy ý mua của H1 các số tự nhiên có hai chữ số từ 00 đến 99. Nếu số đã mua trùng với hai số cuối của một hay nhiều giải thì thắng bạc (trúng lô). Tiền mua, bán số lô được tính giá là 23.000đ/ 1 điểm lô, tỷ lệ thắng là 1 điểm trúng được 80.000đ. Đối với lô xiên 3: Người đánh bạc được tùy ý chọn mua 3 cặp số. Nếu các lô xiên đã mua trùng với ba cặp số cuối cùng của các giải xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng

cùng ngày thì trúng lô xiên. Tiền mua lô xiên 3 được tính giá là 10.000đ/ 1 điểm lô xiên 3. Nếu thắng 1 điểm lô xiên 3 trúng được 300.000đ.

Nguyễn Thanh B đã 03 lần mua các số lô, số đề của Mai Xuân H, cụ thể như sau:

- Lần 1: Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 14/05/2024, B sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, gắn sim số thuê bao 0867920444, đăng nhập vào ứng dụng Facebook của B là “B Nguyen” nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho Mai Xuân H, tài khoản Facebook của H là “Mai H” với nội dung mua của H lô xiên 3 (88, 00, 38) = 250.000đ; H đồng ý. Số tiền này B nợ, chưa trả cho H. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 14/05/2024, B không trúng thưởng. Như vậy, số tiền B đánh bạc với H vào ngày 14/05/2024, sau khi đã tính toán thắng thua là 250.000đ.

- Lần 2: Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 16/05/2024, với phương thức như trên B mua các số lô của H: số lô 55, 06 mỗi số 50 điểm; tổng là 100 điểm x 23.000đ/01 điểm = 2.300.000đ; lô xiên 3 (88, 55, 11) = 100.000đ; với tổng số tiền 2.400.000đ. Sau khi đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng ngày 16/05/2024, B trúng thưởng số lô 06 (hai nháy) tức là trúng 02 lần = 100 điểm x 80.000đ/01 điểm = 8.000.000đ. Số tiền trúng thưởng nêu trên H và B thống nhất với nhau B trả nợ 250.000đ tiền mua số lô của H ngày 14/05/2024; tiền B nợ H trước đó là 750.000đ và 2.400.000đ tiền B mua các số lô của H ngày 16/05/2024. Còn lại số tiền 4.600.000đ. Đến ngày 17/5/2024, H đã chuyển khoản cho B số tiền 4.700.000đ từ số tài khoản 0000293956881 mở tại Ngân hàng TMCP Q1 (MB) - Chủ tài khoản MAI XUAN H đến số tài khoản 101872214153 mở tại Ngân hàng TMCP C3 (V) - chủ tài khoản NGUYEN THANH B, do nhầm lẫn nên H chuyển thừa cho B số tiền 100.000đ. Như vậy, tổng số tiền B đánh bạc với H vào ngày 16/05/2024 đã tính toán thắng thua là 10.400.000đ.

- Lần 3: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 21/06/2024, với phương thức như trên B mua của H số lô 88 = 50 điểm x 23.000đ/01 điểm = 1.150.000đ; Đề đầu 2 số tiền 500.000đ; các số đề 28, 82, 29, 92 mỗi số 50.000đ, tổng tiền đề là 700.000đ. Tổng số tiền B mua số lô, số đề của H là 1.850.000đ. B đã trả cho H 1.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản và còn lại 850.000đ B nợ chưa trả cho H. Sau khi đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng ngày 21/06/2024, B không trúng thưởng. Như vậy, tổng số tiền B đánh bạc với H vào ngày 21/6/2024 là 1.850.000đ.

Tại Cơ quan điều tra, B và H đều thừa nhận hành vi đánh bạc như đã nêu trên. Kiểm tra chiếc điện thoại và bảng sao kê tài khoản Ngân hàng V thu giữ của B còn lưu giữ tin nhắn, chuyển khoản thanh toán tiền mua số lô, số đề với H. Kiểm tra chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung Galaxy A048 thu giữ của Mai Xuân H còn lưu giữ tài khoản “B Nguyen”. H trình bày tài khoản “B Nguyen” là tài khoản Facebook của Nguyễn Thanh B; còn các tin nhắn Zalo chuyển số lô, số đề do lo sợ bị phát hiện nên H đã xóa tin nhắn. Kiểm tra bảng sao kê tài khoản Ngân hàng M1 của H có các giao

dịch chuyển nhận tiền đánh bạc ngày 17/5/2024 và 21/6/2024. Xác minh nhân thân đối với Mai Xuân H: Chưa có tiền án, tiền sự.

Ngoài ra, Mai Xuân H trình bày sau khi bán các số lô, số đề cho B, H tự tổng hợp thành bảng lô, đề rồi sử dụng mạng xã hội Z với tên “Mai H” nhắn tin chuyển bảng các số lô, đề cho Bùi Văn H6 – SN 1983, trú tại thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Cạn và Ngô Văn P – SN 1980, trú tại thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (hiện đều là công nhân của công ty TNHH T3 – Chi nhánh B3 và Hưng Yên nơi H đang làm việc). Quá trình xác minh, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tiến hành triệu tập H6 và P đến làm việc, đối chất với H nhưng H6 và P đều không thừa nhận hành vi đánh bạc với Mai Xuân H như đã nêu trên. Ngoài lời khai của H, không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh việc đánh bạc giữa H với H6 và P.

Đối với hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề của Nguyễn Thanh B, Mai Xuân H vào các ngày 14/5/2024 và 21/6/2021, do lượng tiền mà các đối tượng sử dụng để đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên xác định đây là hành vi vi phạm hành chính. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng theo quy định.

Quá trình điều tra còn xác định: Từ tháng 12/2023 đến tháng 6/2024, Nguyễn Thanh B đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao và thu lời bất chính. Nguyễn Thanh B cho vay dưới hình thức vay lãi ngày từ 3.000đ/1 triệu/1 ngày đến 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 109,5% (gấp 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) đến 182,5% (gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Nguyễn Thanh B thường giao nhận tiền trực tiếp hoặc sử dụng 01 tài khoản Ngân hàng số tài khoản 101872214153 của B mở tại Ngân hàng TMCP C3 (V), để chuyển tiền cho người vay, nhận tiền gốc và tiền lãi từ người vay. Việc cho vay lãi nặng của Nguyễn Thanh B diễn ra cụ thể như sau:

1) Anh Lê Anh S, sinh năm 1981, trú tại khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Lần 1: Ngày 19/05/2024, Nguyễn Thanh B cho Lê Anh S vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với lãi suất là: 146%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 7,3 lần. B yêu cầu S viết giấy vay tiền nhưng không ghi vào giấy vay tiền lãi suất vay. Sau đó, B chuyển khoản đến số tài khoản 0973247333 của S mở tại Ngân hàng TMCP Q1 (M1) số tiền 20.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 28/5/2024, Nguyễn Thanh B tiếp tục cho Lê Anh S vay số tiền 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản như trên, với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng với lãi suất là: 146%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 7,3 lần. Do số tiền trước đó S chưa trả nên S và B đã thống nhất cộng hai khoản vay vào với nhau để tính lãi. Quá trình vay tiền B không yêu cầu S phải viết giấy vay tiền, cũng như để lại đồ vật tài sản gì.

Đến ngày 17/06/2024, S chuyển khoản từ số tài khoản 0973247333 của S mở tại Ngân hàng TMCP Q1 (M1) đến số tài khoản của B số tiền 3.000.000 đồng là tiền lãi S trả cho B và chuyển khoản trả 10.000.000đ. Còn lại 20.000.000đ là tiền gốc S chưa trả cho B.

Như vậy, tổng số tiền lãi tối đa B được phép thu của S theo quy định tại Điều 468 BLDS là: $20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 09 \text{ ngày (từ ngày 19/5 đến 27/5/2024)} \times 20.000.000\text{đ (lần vay đầu)} + 20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 21 \text{ ngày (từ ngày 28/5 đến 17/6/2024)} \times 30.000.000\text{đ (gộp cả hai lần vay)} = 443.835\text{đ}$ (Bốn trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng).

Số tiền lãi B thu lời bất chính trong cả 02 lần cho S vay là: $3.000.000\text{đ} - 443.835\text{đ} = 2.556.165\text{đ}$ (Hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).

2) Anh Nguyễn Quốc H7, sinh năm 1974, trú tại khu G, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 06/6/2024, Nguyễn Thanh B cho Nguyễn Quốc H7 vay số tiền 20.000.000đ với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay 03 tháng. B chuyển khoản đến số tài khoản 0951004197059 mở tại Ngân hàng TMCP N (V1) của H7 số tiền 20.000.000đ. Sau đó, do H7 làm ăn thua lỗ nên đã xin B không trả lãi và trả dần số tiền gốc 20.000.000đ đã vay của B, B đồng ý. Số tiền gốc H7 nợ chưa trả cho B.

3) Anh Trịnh Xuân C1, sinh năm 1984, trú tại khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Lần 1: Ngày 22/12/2023, Nguyễn Thanh B cho Trịnh Xuân C1 vay số tiền 100.000.000đ, với lãi suất 3.000đ/01 triệu/1 ngày, chu kỳ thanh toán là 10 ngày/1 lần, tương ứng với lãi suất là: 109,5%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 5,48 lần. B yêu cầu C1 viết giấy vay tiền nhưng không ghi vào giấy vay tiền lãi suất vay. Sau đó, B lấy số tiền mặt 100.000.000 đồng ra đưa cho C1, Công nhận đủ tiền rồi ra về.

Tính đến ngày 22/05/2024, C1 đã chuyển khoản từ tài khoản 1000111155555 của C1 mở tại Ngân hàng TMCP Q1 (M1) đến số tài khoản của B để trả tiền lãi cho B 14 lần với tổng số tiền là 48.000.000 đồng. Có tháng C1 trả đủ tiền lãi và có tháng C1 trả thiếu tiền lãi, đối với những lần C1 trả thiếu tiền lãi B đều đồng ý cho không tính lãi nữa. Đến ngày 22/05/2024, C1 chuyển khoản trả cho B số tiền 100.000.000đ là số tiền nợ gốc đã vay của B.

Như vậy, tổng số tiền lãi tối đa B được phép thu của C1 theo quy định tại Điều 468 BLDS là: $20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 153 \text{ ngày (từ ngày 22/12/2023 đến 22/5/2024)} \times 100.000.000\text{đ} = 8.383.562\text{đ}$ (Tám triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng).

Số tiền lãi B thu lời bất chính trong lần đầu cho C1 vay là: $48.000.000\text{đ} - 8.383.562\text{đ} = 39.616.438\text{đ}$ (Ba mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

- Lần 2: Ngày 18/02/2024, C1 vay số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất 4.000đ/01 triệu/01 ngày, chu kỳ thanh toán tiền lãi là 10 ngày/1 lần, tương ứng với lãi suất là: 146%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 7,3 lần. B yêu cầu C1 viết giấy vay tiền nhưng không ghi vào giấy lãi suất vay. Sau đó B đưa cho C1 số tiền mặt là 50.000.000 đồng, Công đếm, nhận đủ tiền rồi ra về.

Tính từ ngày 18/02/2024 đến ngày 28/05/2024, C1 đã trả tiền lãi cho B 10 lần với tổng số tiền là 20.000.000đ và trả cho B số tiền 50.000.000đ là số tiền nợ gốc đã vay của B bằng hình thức chuyển khoản với số tài khoản nhận và chuyển nêu trên.

Như vậy, tổng số tiền lãi tối đa B được phép thu của C1 theo quy định tại Điều 468 BLDS là: $20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 101 \text{ ngày (từ ngày 18/02/2024 đến 28/5/2024)} \times 50.000.000\text{đ} = 2.767.123\text{đ}$ (Hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

Số tiền lãi B thu lời bất chính trong lần thứ hai cho C1 vay là: $20.000.000\text{đ} - 2.767.123\text{đ} = 17.232.877\text{đ}$ (Mười bảy triệu hai trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

- Lần 3: Ngày 17/06/2024, C1 vay số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất vay là 3.000đ/1 triệu/01 ngày, chu kỳ thanh toán là 10 ngày/1 lần, tương ứng với lãi suất là: 109,5%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 5,48 lần. B yêu cầu C1 viết giấy vay tiền nhưng không ghi vào giấy vay tiền lãi suất vay. Thực tế, B chỉ chuyển khoản đến số tài khoản 1000111155555 của C1 mở tại Ngân hàng TMCP Q1 (M1) số tiền 90.000.000 đồng, B đã “cắt” lãi số tiền 10.000.000 đồng/1 tháng đầu tiên. Ngoài ra, C1 chưa trả thêm cho B khoản tiền lãi nào khác. Đến khi bị Cơ quan Công an phát hiện hành vi vi phạm C1 còn nợ B số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi tối đa B được phép thu của C1 theo quy định tại Điều 468 BLDS là: $20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 30 \text{ ngày} \times 100.000.000\text{đ} = 1.643.836\text{đ}$ (Một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

Số tiền lãi B thu lời bất chính trong lần thứ ba cho C1 vay là: $10.000.000\text{đ} - 1.643.836\text{đ} = 8.356.164\text{đ}$ (Tám triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng).

Tổng số tiền lãi mà lãi B thu lợi bất chính trong cả 03 (Ba) lần cho C1 vay là: $39.616.438\text{đ} + 17.232.877\text{đ} + 8.356.164\text{đ} = \mathbf{65.205.479\text{đ}}$ (Sáu mươi lăm triệu hai trăm linh năm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng).

4) Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1993, trú tại khu H, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Lần 1: Ngày 23/05/2024, Nguyễn Thanh B cho Nguyễn Văn T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất vay là 5.000đ/01 triệu/01 ngày, chu kỳ thanh toán tiền lãi là 10 ngày/1 lần, tương ứng với lãi suất là: 182,5%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 9,13 lần. B yêu cầu T1 viết giấy vay tiền nhưng không ghi lãi suất vay. Thực tế, B chỉ chuyển khoản đến số tài khoản 4220373983 mở

tại Ngân hàng TMCP Đ1 (B4) của T1 số tiền 9.500.000 đồng, B đã “cắt” lãi 500.000 đồng/10 ngày đầu tiên. Quá trình vay tiền T1 đưa cho B 01 (Một) thẻ Căn cước công dân số 025093014896, mang tên NGUYỄN VĂN T1 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Cấp ngày 07/06/2023, để B giữ làm căn cứ.

- Lần 2: Ngày 24/05/2024, Nguyễn Thanh B cho Nguyễn Văn T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày, chu kỳ thanh toán tiền lãi là 10 ngày/1 lần, tương ứng với lãi suất là: 182,5%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 9,13 lần. Thực tế, B chỉ chuyển khoản đến số tài khoản 4220373983 mở tại Ngân hàng TMCP Đ1 (B4) của T1 số tiền 9.500.000 đồng, B đã “cắt” lãi 500.000 đồng/10 ngày đầu tiên. Do T1 còn vay của B số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 23/5/2024, nên B và T1 thống nhất sẽ gộp số tiền hai lần mà T1 vay để tính lãi chung.

Từ ngày 23/5/2024 đến ngày 13/6/2024, T1 đã chuyển khoản từ tài khoản 4220373983 mở tại Ngân hàng TMCP Đ1 (B4) của T1 đến tài khoản của B để trả tiền lãi cho B 02 lần với tổng số tiền là 2.000.000 đồng. Đến ngày 23/6/2024, T1 chuyển khoản (với số tài khoản nhận và chuyển nêu trên) cho B số tiền 1.000.000 đồng để trả tiền lãi trước 10 ngày tiếp theo cho B. Tính đến khi bị cơ quan Công an phát hiện hành vi vi phạm T1 còn nợ B số tiền gốc là 20.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi tối đa B được phép thu của T1 theo quy định tại Điều 468 BLDS là: $20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 40 \text{ ngày (04 kỳ tính lãi)} \times 10.000.000\text{đ (lần vay đầu)} + 20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 40 \text{ ngày (04 kỳ tính lãi)} \times 10.000.000\text{đ (lần vay thứ hai)} = 438.356\text{đ}$ (Bốn trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng)

Số tiền lãi B thu lời bất chính trong cả 02 lần cho T1 vay là: $500.000\text{đ (cắt lãi lần vay đầu)} + 500.000\text{đ (cắt lãi lần vay thứ 2)} + 3.000.000\text{đ (tiền lãi đã chuyển cho B)} - 438.356\text{đ} = \mathbf{3.561.644\text{đ}}$ (Ba triệu năm trăm sáu mươi một nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng)

5) Anh Phạm Xuân H1, sinh năm 1990, trú tại khu F, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 20/04/2024, Nguyễn Thanh B cho Phạm Xuân H1 vay số tiền 40.000.000 đồng, với lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, chu kỳ thanh toán tiền lãi là 10 ngày/1 lần, tương ứng với lãi suất là: 146%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 7,3 lần. B yêu cầu H1 viết giấy vay tiền nhưng không ghi vào giấy vay tiền lãi suất vay. Thực tế, B chỉ chuyển khoản đến số tài khoản 0384301666 của H1 số tiền 38.000.000 đồng, B đã “cắt” lãi trước 2.000.000 đồng. Từ ngày 20/4/2024 đến ngày 20/5/2024, H1 đã chuyển khoản từ số tài khoản 0384301666 của H1 đến tài khoản của B để trả tiền lãi cho B 02 lần với tổng số tiền 2.800.000 đồng. Đến ngày 02/6/2024, H1 chuyển khoản (với số tài khoản nhận và chuyển nêu trên) cho B số tiền 39.000.000 đồng là tiền gốc vay của B. Số tiền 1.000.000 đồng tiền gốc và 2.080.000 đồng tiền lãi chưa trả còn lại, B cho H1, không yêu cầu trả.

Như vậy, tổng số tiền lãi tối đa B được phép thu của H1 theo quy định tại Điều 468 BLDS là: $20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 30 \text{ ngày (từ ngày 20/4/2024 đến 20/5/2024)} \times 40.000.000\text{đ} = 657.534\text{đ}$ (Sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng).

Số tiền lãi B thu lời bất chính trong lần cho H1 vay là: $4.800.000\text{đ} - 657.534\text{đ} = \mathbf{4.142.466\text{đ}}$ (Bốn triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

6) Anh Phạm Văn S1, sinh năm 1987, trú tại khu F, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Lần 1: Ngày 02/01/2024, Nguyễn Thanh B cho Phạm Văn S1 vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 3.300đ/1 triệu/1 ngày, chu kỳ thanh toán tiền lãi là 30 ngày/1 lần, tương ứng với lãi suất là: 120,5%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 6,02 lần. B yêu cầu S1 viết giấy vay tiền nhưng trong giấy vay không thể hiện lãi suất vay. Sau đó, B chuyển khoản đến số tài khoản số 105875894236 mở tại Ngân hàng TMCP C3 (V) của S1 số tiền 20.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 13/01/2024, Nguyễn Thanh B tiếp tục cho Phạm Văn S1 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 3.300đ/1 triệu/1 ngày, chu kỳ thanh toán tiền lãi là cứ 30 ngày/1 lần, tương ứng với lãi suất là: 120,5%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 6,02 lần. B yêu cầu S1 viết giấy vay tiền nhưng trong giấy vay không thể hiện lãi suất vay. Sau đó B đưa cho S1 số tiền mặt là 10.000.000 đồng. B và S1 thống nhất với nhau gộp cả hai khoản tiền vay vào một (Gồm số tiền 20.000.000 đồng S1 vay của B vào ngày 02/01/2024 và 10.000.000 đồng S1 vay của B ngày 13/01/2024) tổng là 30.000.000 đồng để thuận tiện cho việc trả tiền lãi.

Ngày 01/02/2024, S1 chuyển khoản từ số tài khoản số 105875894236 mở tại Ngân hàng TMCP C3 (V) của S1 đến số tài khoản của B để trả tiền lãi cho B số tiền 3.000.000đ. Từ ngày 29/02/2024 đến ngày 02/4/2024, S1 chuyển khoản (với số tài khoản giao dịch như trên) trả tiền lãi cho B 02 lần với tổng số tiền là 5.000.000đ. Đến ngày 04/04/2024, S1 chuyển khoản trả cho B 30.000.000 đồng, đây là số tiền S1 trả tiền gốc đã vay của B. Còn 1.000.000 đồng tiền lãi, B đã đồng ý cho S1 số tiền lãi nêu trên.

Như vậy, tổng số tiền lãi tối đa B được phép thu của Phạm Văn S1 theo quy định tại Điều 468 BLDS là: $20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 11 \text{ ngày (từ ngày 02/01/2024 đến ngày 12/01/2024)} \times 20.000.000\text{đ (lần vay đầu)} + 20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 81 \text{ ngày (từ ngày 13/01/2024 đến ngày 02/4/2024)} \times 30.000.000\text{đ (gộp cả hai lần vay)} = 1.452.055\text{đ}$ (Một triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

Số tiền lãi B thu lời bất chính trong cả 02 lần cho S1 vay là: $8.000.000\text{đ} - 1.452.055\text{đ} = \mathbf{6.547.945\text{đ}}$ (Sáu triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

7) Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1986, trú tại khu G, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 10/06/2024, Nguyễn Thanh B cho Nguyễn Văn G vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất thoả thuận là 3.300/1 triệu/1 ngày, tương ứng với lãi suất là:

120,5%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 6,02 lần. B có yêu cầu G viết 01 (Một) giấy vay tiền và để lại 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số 250145003406, mang tên NGUYỄN VĂN G do Sở G1 cấp ngày 12/01/2023 để B giữ làm căn cứ. Thực tế B chỉ chuyển khoản đến số tài khoản 426120000600944 của Giáp mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B4) số tiền 9.000.000 đồng, B đã “cắt” lãi 1.000.000 đồng/1 tháng đầu tiên (Tính đủ 30 ngày). Sau khi vay số tiền 10.000.000 đồng của B, đến ngày bị phát hiện G chưa trả thêm khoản tiền lãi nào, cũng chưa trả số tiền gốc mà G vay của B.

Như vậy, tổng số tiền lãi tối đa B được phép thu của G theo quy định tại Điều 468 BLDS là: $20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 30 \text{ ngày} \times 10.000.000\text{đ} = 164.384\text{đ}$ (Một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng).

Số tiền lãi B thu lời bất chính trong lần cho G vay là: $1.000.000\text{đ} - 164.384\text{đ} = \mathbf{835.616\text{đ}}$ (Tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

8) Anh Đình Ngọc K2, sinh năm 1992, trú tại khu C, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 16/05/2024, Nguyễn Thanh B cho Đình Ngọc K2 vay số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, chu kỳ thanh toán là 10 ngày/1 lần, tương ứng với lãi suất là: 182,5%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 9,13 lần. Quá trình vay tiền cả hai chỉ thỏa thuận bằng miệng, không viết giấy vay tiền hay làm thủ tục, hợp đồng vay. Thực tế, B chỉ chuyển khoản đến số tài khoản 0977646496 của Khương mở tại Ngân hàng TMCP C3 (V) số tiền 47.500.000 đồng, B đã “cắt” lãi 2.500.000 đồng/10 ngày đầu tiên. Đến ngày 25/5/2024, K2 đã trả trực tiếp cho B số tiền gốc là 50.000.000 đồng mà K2 đã vay của B trước đó. Ngoài ra, K2 không trả thêm bất kỳ khoản tiền lãi nào khác cho B.

Như vậy, tổng số tiền lãi tối đa B được phép thu của K2 theo quy định tại Điều 468 BLDS là: $20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 10 \text{ ngày} \times 50.000.000\text{đ} = 273.973\text{đ}$ (Hai trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng).

Số tiền lãi B thu lời bất chính trong lần cho K2 vay là: $2.500.000\text{đ} - 273.973\text{đ} = \mathbf{2.226.027\text{đ}}$ (Hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

9) Anh Phùng Văn H2, sinh năm 1994, trú tại khu D, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Lần 1: Ngày 25/01/2024, Nguyễn Thanh B cho Phùng Văn H2 vay số tiền 15.000.000 đồng, với lãi suất 3.300/1 triệu/1 ngày, tương ứng với lãi suất là: 120,5%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 6,02 lần. B yêu cầu H2 viết 01 (một) giấy vay tiền để B giữ làm căn cứ. Sau đó, B chuyển khoản đến số tài khoản 100803260694 của H2 mở tại Ngân hàng TMCP C3 (V) số tiền 15.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 29/01/2024, Nguyễn Thanh B cho Phùng Văn H2 tiếp tục vay số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất 3.300đ/1 triệu/ 1 ngày, tương ứng với lãi suất là: 120,5%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 6,02 lần.

Do trước đó H2 đã vay số tiền 15.000.000 đồng của B nên cả hai thống nhất, gộp chung hai khoản tiền vay vào với nhau để đóng 1 lần lãi. B yêu cầu H2 viết 01 (Một) giấy vay để B giữ làm căn cứ. Sau đó, B chuyển số tiền 5.000.000 đồng từ số tài khoản 101872214153 của B đến số tài khoản 100803260694 của H2, cùng mở tại Ngân hàng TMCP C3 (V). Sau khi đã nhận được tiền H2 ra về.

Đến ngày 06/02/2024, H2 trả cho B số tiền 21.000.000 đồng; gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản với số tài khoản giao dịch như trên.

Như vậy, tổng số tiền lãi tối đa B được phép thu của H2 theo quy định tại Điều 468 BLDS là: $20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 04 \text{ ngày (từ ngày 25/01/2024 đến ngày 28/01/2024)} \times 15.000.000\text{đ (lần vay đầu)} + 20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 09 \text{ ngày (từ ngày 29/01/2024 đến ngày 06/02/2024)} \times 20.000.000\text{đ (gộp cả hai lần vay)} = 131.507\text{đ}$ (Một trăm ba mươi một nghìn năm trăm linh bảy đồng).

Số tiền lãi B thu lời bất chính trong cả 02 lần cho H2 vay là: $1.000.000\text{đ} - 131.507\text{đ} = \mathbf{868.493\text{đ}}$ (Tám trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng).

10) Anh Mai Tuấn L, sinh năm 1989, trú tại khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 12/02/2024, Nguyễn Thanh B cho Mai Tuấn L vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.000đ/1 triệu/ngày, tương ứng với lãi suất là: 109,5%/năm. Vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là 5,48 lần. B yêu cầu L viết 01 (Một) giấy vay tiền đưa cho B giữ làm căn cứ. B đưa số tiền 20.000.000 đồng cho L, L nhận tiền, kiểm tra đủ rồi tiền ra về. Đến ngày 24/02/2024, L chuyển khoản từ số tài khoản 104878252852 của L, đến số tài khoản 101872214153 của B cùng mở tại Ngân hàng TMCP C3 (V) số tiền 20.000.000 đồng là tiền gốc đã vay của B. Mặc dù trước đó L và B đã thỏa thuận lãi suất vay là 3.000đ/1 triệu/1 ngày nhưng do có mối quan hệ quen biết, là hàng xóm gần nhà nhau nên B thực tế chỉ thu số tiền 300.000 đồng là tiền lãi của 20.000.000 đồng mà L đã vay. Số tiền lãi còn lại B cho L. Số tiền lãi 300.000 đồng L đã trả trực tiếp cho B vào ngày 26/02/2024.

Như vậy, tổng số tiền lãi tối đa B được phép thu của L theo quy định tại Điều 468 BLDS là: $20\%/01 \text{ năm (365 ngày)} \times 13 \text{ ngày (từ ngày 12/02/2024 đến ngày 24/02/2024)} \times 20.000.000\text{đ} = 142.466\text{đ}$ (Một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Số tiền lãi B thu lời bất chính trong lần cho L vay là: $300.000\text{đ} - 142.466\text{đ} = \mathbf{157.534\text{đ}}$ (Một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng).

Như vậy, xác định: tính từ tháng 12/2023 đến tháng 6/2024, Nguyễn Thanh B đã cho 10 người nêu trên vay tiền. Tuy nhiên, đối với Nguyễn Quốc H7 người B cho vay 20.000.000đ với lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/ 1 ngày; tính đến khi bị phát hiện B chưa thu được tiền gốc và không tính số tiền lãi đối với H7. Như vậy, xác định hành vi cho H7 vay tiền của B không phải là cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

B đã cho vay lãi nặng đối với 09 người gồm: Lê Anh S, Trịnh Xuân C1, Nguyễn Văn T1, Phạm Xuân H1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn G, Đinh Ngọc K1, Phùng Văn H2 và Mai Tuấn L. Trong đó, B đã thu 02 người lãi suất 182,5%/năm; 03 người thu lãi suất 146,5%/ năm; 02 người thu lãi suất 120%/ năm; 02 người thu lãi suất 109,5%/ năm. Đối với việc cho 09 người nêu trên vay tiền, B chưa bị xử lý hành chính về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự lần nào. Tổng số tiền cho 09 người vay là **470.000.000 đồng**. Số tiền gốc 09 người vay tiền đã trả cho B là **319.000.000 đồng**, B đã bớt cho anh Phạm Xuân H1 **1.000.000đ** tiền gốc mà H1 đã vay. Số tiền gốc những người vay tiền còn nợ lại của B là **150.000.000 đồng**. Tổng số tiền lãi thực tế B đã thu được là: **102.600.000đ** (Một trăm linh hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó, số tiền lãi tối đa B được thu theo quy định tại Điều 468 BLDS là: **16.498.631 đồng** (Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi một đồng), số tiền lãi B thu lợi bất chính (gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS) của 09 người là: $2.556.165đ + 65.205.479đ + 3.561.644đ + 4.142.466đ + 6.547.945đ + 835.616đ + 2.226.027đ + 868.493đ + 157.534đ = 86.101.369đ$ (Tám mươi sáu triệu một trăm linh một nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng).

Về vật chứng, đồ vật, tài sản của vụ án, kết quả điều tra xác định:

Đối với các đồ vật, tài sản gồm:

- 52 quân bài tú lơ khơ, 01 tấm thảm lót ghế và số tiền 3.630.000 đồng là công cụ các đối tượng sử dụng để đánh bạc dưới hình thức ba cây, ngày 25/6/2024, Cơ quan CSĐT đã chuyển Công an huyện T xử lý theo vụ việc hành chính.

- 03 chiếc điện thoại di động đã thu giữ của Voòng Chí H5, Phạm Chí Đ, Phạm Phú H4 và 03 chiếc xe mô tô thu giữ của các đối tượng đánh bạc ngày 25/6/2024 quá trình điều tra xác định các đồ vật, tài sản không liên quan đến hành vi vi phạm và tội phạm nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho các chủ sở hữu.

- Tiền Ngân hàng N1 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) do Mai Xuân H giao nộp. Quá trình điều tra xác định số tiền có liên quan đến hành vi đánh bạc bán các số lô, số đề cho Nguyễn Thanh B vào các ngày 14/5/2024 và 21/6/2024. Cơ quan CSĐT đã tiến hành nhập tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Công an huyện T và chuyển đến Công an huyện T xử lý theo vụ việc hành chính.

Đối với các đồ vật, tài sản gồm:

- 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 025090011788, mang tên PHẠM XUÂN H1, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Cấp ngày 28/06/2021. Đây là thẻ căn cước công dân của anh Phạm Xuân H1 đưa cho Nguyễn Thanh B giữ làm căn cứ khi vay tiền của B. Do đó, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh Phạm Xuân H1 là chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

- 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 025093014896, mang NGUYỄN VĂN T1, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Cấp ngày 07/06/2023. Đây là thẻ căn cước công dân của anh Nguyễn Văn T1 đưa cho Nguyễn Thanh B giữ làm căn cứ khi vay tiền

của B. Do đó, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh Nguyễn Văn T1 là chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số 250145003406, mang tên NGUYỄN VĂN G, do Sở G1 cấp ngày 12/01/2023. Đây là Giấy phép lái xe của anh Nguyễn Văn G đưa cho Nguyễn Thanh B giữ làm căn cứ khi vay tiền của B. Do đó, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh Nguyễn Văn G là chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Đối với các vật chứng, đồ vật, tài sản gồm:

- Tiền Ngân hàng N1 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) do Mai Xuân H giao nộp. Quá trình điều tra xác định số tiền có liên quan đến hành vi đánh bạc bán các số lô, số đề cho Nguyễn Thanh B vào ngày 16/5/2024. Cơ quan CSĐT đã tiến hành nhập tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Công an huyện T và chuyển đến Cơ quan THADS huyện T, tỉnh Phú Thọ để phục vụ công tác xét xử và thi hành án.

- 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng hồng (R), dung lượng 32 GB, số IMEI: 359172073753240, gắn sim số thuê bao: 0867920444, tình trạng đã qua sử dụng của Nguyễn Thanh B.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04S, màu đen, số IMEI1: 350246950792411, số IMEI2: 353931240792415, gắn sim số: 0353227347, tình trạng đã qua sử dụng của Mai Xuân H.

Quá trình điều tra, xác định đây là 02 chiếc điện thoại B và H sử dụng để liên lạc mua bán các số lô, số đề vào các ngày 14/5/2024; 16/5/2024 và 21/6/2024. Cơ quan CSĐT chuyển đồ vật, tài sản trên đến Cơ quan THADS huyện T, tỉnh Phú Thọ để phục vụ công tác xét xử và thi hành án.

- 01 (một) chiếc bút bi nhãn hiệu TL-036, vỏ màu xanh, mực màu xanh, đã qua sử dụng. Cơ quan CSĐT chuyển đến Cơ quan THADS huyện T, tỉnh Phú Thọ để phục vụ công tác xét xử và thi hành án.

- 01 (một) quyển vở ô ly, nhãn hiệu “VP VIỆT HÀ” có bìa được in màu hồng, có ảnh và dòng chữ “Phòng G2”, trong đó 13 (mười ba) tờ có ghi các chữ, số, ký hiệu bằng mực màu xanh, được lưu trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ xử lý vụ án.

- 01 (một) tờ giấy A4, kích thước (29,5x21)cm, một mặt của tờ A4 có các dòng chữ bằng mực màu đen. Trong giấy thể hiện nội dung anh Phạm Văn S1, trú tại khu F, Đ, T, Phú Thọ vay của Nguyễn Thanh B số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vào ngày 02/01/2024, được lưu trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ xử lý vụ án.

- 01 (một) tờ giấy A4, kích thước (29,5x21)cm, một mặt của tờ A4 có các dòng chữ bằng mực màu xanh. Trong giấy thể hiện nội dung anh Trịnh Xuân C1, sinh năm 1984, trú tại khu E, Đ, T, Phú Thọ vay của Nguyễn Thanh B số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) vào ngày 17/06/2024, được lưu trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ xử lý vụ án.

- 01 (một) tờ giấy vở kẻ ngang, kích thước (20x13,4)cm, một mặt của tờ giấy vở kẻ ngang có các dòng chữ bằng mực màu đen. Trong giấy thể hiện nội dung anh Mai Tuấn L, trú tại khu E, Đ, T, Phú Thọ vay của Nguyễn Thanh B số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vào ngày 12/02/2024, được lưu trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ xử lý vụ án.

- 01 (Một) bảng sao kê chi tiết giao dịch của tài khoản Ngân hàng số 0000293956881 mở tại Ngân hàng TMCP Q1 (M1), chủ tài khoản Mai Xuân H. Thời gian sao kê từ ngày 01/5/2024 đến ngày 30/6/2024, được lưu trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ xử lý vụ án.

- 01 (Một) bảng sao kê chi tiết giao dịch của tài khoản Ngân hàng số 101872214153 mở tại Ngân hàng TMCP C3 (V), chủ tài khoản Nguyễn Thanh B. Thời gian sao kê từ ngày 01/01/2023 đến ngày 26/06/2024, được lưu trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ xử lý vụ án.

Tại phiên toà: Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo Mai Xuân H không có bổ sung gì thêm. Bị cáo Nguyễn Thanh B khai bổ sung: Bị cáo đã nhận được khoản tiền gốc 100.000.000đ do anh Trịnh Xuân C1 trả và số tiền 10.000.000đ do anh Nguyễn Văn G trả. Anh C1 và anh G không còn nợ bị cáo bất kỳ khoản tiền nào khác. Hiện nay chỉ còn anh Lê Anh S và anh Nguyễn Văn T1 mỗi người nợ của bị cáo 20.000.000đ. Lời khai của bị cáo B tại phiên tòa phù hợp với lời trình bày của anh Trịnh Xuân C1 và anh Nguyễn Văn G tại đơn xin xét xử vắng mặt đã nộp cho Tòa án ngày 08/01/2025.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được thể hiện tại các biên bản khám xét khẩn cấp, biên bản kiểm tra điện thoại của Nguyễn Thanh B, Mai Xuân H, biên bản giải trình các giao dịch chuyển khoản của B và H về việc đánh bạc; lời khai của B, H về việc đánh bạc, cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với bảng sao kê giao dịch tại các ngân hàng, các đồ vật tài liệu đã tạm giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKS.TB ngày 26/11/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Thanh B về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự và tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Mai Xuân H về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị với Hội đồng xét xử như sau:

* Căn cứ khoản 1 Điều 201, khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35, khoản 1 Điều 38 điểm đ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh B phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” và tội “*Đánh bạc*”.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” và xử phạt từ 120.000.000đ đến 130.000.000đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mai Xuân H.

Đề nghị xử phạt bị cáo Mai Xuân H từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ nộp Ngân sách nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Đề nghị xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền Ngân hàng N1 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) do Mai Xuân H giao nộp.

- Tịch thu bán nộp vào Ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus của Nguyễn Thanh B và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04S của Mai Xuân H.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ sim, số thuê bao: 0867920444 của bị cáo B, 01 thẻ sim, số thuê bao: 0353227347 của bị cáo H; 01 chiếc bút bi nhãn hiệu TL-036, vỏ màu xanh, mực màu xanh, đã qua sử dụng.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án: 01 quyển vở ô ly, nhãn hiệu “VP VIỆT HÀ”; 01 tờ giấy A4, kích thước (29,5x21)cm, trong giấy thể hiện nội dung anh Phạm Văn S1 vay của Nguyễn Thanh B số tiền 20.000.000đ vào ngày 02/01/2024; 01 tờ giấy A4, kích thước (29,5x21)cm, trong giấy thể hiện nội dung anh Trịnh Xuân C1 vay của Nguyễn Thanh B số tiền 100.000.000đ vào ngày 17/06/2024; 01 tờ giấy vở kẻ ngang, kích thước (20x13,4)cm, trong giấy thể hiện nội dung anh Mai Tuấn L vay của Nguyễn Thanh B số tiền 20.000.000đ vào ngày 12/02/2024; 01 bảng sao kê chi tiết giao dịch của tài khoản Ngân hàng số 0000293956881 mở tại Ngân hàng TMCP Q1 (M1), chủ tài khoản Mai Xuân H, thời gian sao kê từ ngày 01/5/2024 đến ngày 30/6/2024; 01 bảng sao kê chi tiết giao dịch của tài khoản Ngân hàng số 101872214153 mở tại Ngân hàng TMCP C3 (V), chủ tài khoản Nguyễn Thanh B, thời gian sao kê từ ngày 01/01/2023 đến ngày 26/06/2024. (*Các vật chứng đã lưu tại hồ sơ vụ án*).

* Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) là số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc dưới hình thức mua số lô, số đề ngày 16/5/2024.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 446.498.631 đồng (*Bốn trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi một đồng*). Trong đó có 430.000.000 đồng là khoản tiền dùng để cho vay cần tịch thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo B và 16.498.631 đồng là tiền lãi

tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo B đã thu của người vay.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo B nhưng chưa trả cho bị cáo, tổng số là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Cụ thể: Anh Lê Anh S phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T1 phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền là 20.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải trả lại cho 09 người đã vay tiền của B số tiền 86.101.369đ (*T2 mươi sáu triệu một trăm linh một nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng*) là tiền bị cáo B thu lời bất chính từ việc cho 09 người này vay lãi nặng, cụ thể: Trả cho anh Lê Anh S số tiền 2.556.165 đồng; trả cho anh Trịnh Xuân C1 số tiền 65.205.479 đồng; trả cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 3.561.644 đồng; trả cho anh Phạm Xuân H1 số tiền 3.142.466 đồng; trả cho anh Phạm Văn S1 số tiền 6.547.945 đồng; trả cho anh Nguyễn Văn G số tiền 835.616 đồng; trả cho anh Đinh Ngọc K1 số tiền 2.226.027 đồng; trả cho anh Phùng Văn H2 số tiền 868.493 đồng; trả cho anh M Tuấn L số tiền 157.534 đồng.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày luận tội, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, các bị cáo không tự bào chữa, không tranh luận gì; lời nói sau cùng của các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều nhất trí và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận:

Ngày 16/5/2024, tại khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Thanh B đã thực hiện hành vi đánh bạc với Mai Xuân H dưới hình thức mua bán số lô, số đề với

tổng số tiền lô, đề là 2.400.000đ. Sau khi có kết quả Xổ số kiến thiết Miền B2, B trúng thưởng số tiền 8.000.000đ. Như vậy số tiền đánh bạc B và H phải chịu trách nhiệm hình sự là 10.400.000đ (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng).

Từ tháng 12/2023 đến tháng 6/2024, Nguyễn Thanh B đã cho 09 người vay tiền, với tổng số tiền cho 09 người vay là **470.000.000 đồng**, với mức lãi suất từ 109,5% (gấp 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) đến 182,5% (gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Số tiền gốc 09 người vay tiền đã trả cho B là 429.000.000 đồng, B đã bớt cho anh Phạm Xuân H1 1.000.000đ tiền gốc mà H1 đã vay, do số tiền vay thỏa thuận giữa B và H1 là 40.000.000đ và số tiền lãi được tính dựa trên số tiền đã vay là 40.000.000đ, việc B bớt 1.000.000đ tiền gốc cho H1 là thỏa thuận riêng giữa B và Phạm Xuân H1. Do đó, cần xác định tổng số tiền dùng để cho vay cần tịch thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo là **430.000.000 đồng**. Số tiền gốc những người vay tiền còn nợ lại của B đến thời điểm xét xử là **40.000.000 đồng**. Tổng số tiền lãi thực tế B đã thu được là: **102.600.000 đồng** (Một trăm linh hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó, B đã thu lời bất chính số tiền **86.101.369 đồng** (Tám mươi sáu triệu một trăm linh một nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng); số tiền lãi tối đa B được thu theo quy định tại Điều 468 BLDS là: **16.498.631 đồng** (Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi một đồng),

Trong vụ án này, Nguyễn Thanh B là người thực hiện 02 hành vi: Đánh bạc với số tiền trên 5.000.000đ và Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lợi bất chính với số tiền trên 30.000.000đ nên phải chịu trách nhiệm hình sự về 02 tội “Đánh bạc” và “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Mai Xuân H thực hiện hành vi đánh bạc với số tiền trên 5.000.000đ nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc”.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai mà các bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, vật chứng thu giữ được cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để kết luận:

Bị cáo Nguyễn Thanh B phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự và tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Mai Xuân H phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Điều 321 BLHS quy định: Tội đánh bạc

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định

tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Điều 201 BLHS quy định: Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các tội phạm được thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, kinh doanh tiền tệ của Nhà nước, xâm phạm đến quyền lợi của công dân được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đều có điều kiện để nhận thức về pháp luật, có sức khỏe và hiểu biết xã hội nhưng các bị cáo đã coi thường pháp luật dẫn đến phạm tội. Vì vậy, đưa các bị cáo ra xét xử và có hình phạt tương thích với hành vi phạm tội mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[4.1] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Thanh B, Mai Xuân H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4.2] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh B, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội. Bị cáo đã từng bị kết án về tội Cố ý gây thương tích, đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm mà tiếp tục phạm tội mới, trong vụ án bị cáo thực hiện 02 hành vi phạm tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và “đánh bạc”. Đối với hành vi “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, kinh doanh tiền tệ của Nhà nước, hậu quả hành vi gây thiệt hại về tài sản cho người vay, bị cáo đã thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng với số tiền 86.101.369đ nên cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Đối với hành vi “đánh bạc” thể hiện bị cáo có nhiều lần vi phạm, có lần cấu thành tội phạm, có lần chưa đến mức xử lý về hình sự; Bị cáo là người khó cải tạo

và coi thường pháp luật, vì vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người công dân tốt.

- Đối với bị cáo Mai Xuân H không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Vì vậy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Mai Xuân H như Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*”.

Tại khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thanh B là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị; vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thanh B. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Mai Xuân H vì hình phạt chính là hình phạt tiền.

[6]. Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với các đồ vật, tài sản: 01 thẻ Căn cước công dân của Phạm Xuân H1; 01 thẻ Căn cước công dân của Nguyễn Văn T1; 01 Giấy phép lái xe hạng A1 của Nguyễn Văn G.

Đây là các đồ vật, tài sản người vay tiền đưa cho bị cáo Nguyễn Thanh B giữ làm căn cứ khi vay tiền của B, nên Hội đồng xét xử xác nhận Cơ quan CSĐT – Công an huyện T đã giao trả cho chủ sở hữu hợp pháp những đồ vật, tài sản nêu trên (Theo các biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu của Cơ quan CSĐT – Công an huyện T ngày 13/10/2024 đối với Nguyễn Văn T1, ngày 16/10/2024 đối với Phạm Xuân H1 và 14/10/2024 đối với Nguyễn Văn G) là phù hợp theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[6.2] Đối với số tiền Ngân hàng N1 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) do Mai Xuân H giao nộp. Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc bán các số lô, số đề cho Nguyễn Thanh B vào ngày 16/5/2024, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[6.3] Đối với vật chứng gồm:

- 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus của Nguyễn Thanh B và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04S của Mai Xuân H. Đây là 02 chiếc điện thoại bị cáo B và bị cáo H sử dụng để liên lạc, trao đổi mua bán số lô, số đề vào ngày 16/5/2024, cần tịch thu bán nộp Ngân sách nhà nước.

- 01 (Một) thẻ sim, số thuê bao: 0867920444 của bị cáo B, 01 (Một) thẻ sim, số thuê bao: 0353227347 của bị cáo H; Tại phiên tòa, các bị cáo đều không yêu cầu nhận lại, xác định 02 thẻ sim không còn giá trị sử dụng, vì vậy tịch thu cho tiêu hủy.

- 01 (một) chiếc bút bi nhãn hiệu TL-036. Đây là công cụ bị cáo Nguyễn Thanh B sử dụng để cho những người đến vay tiền với lãi suất cao viết giấy vay tiền, xác định chiếc bút không còn giá trị sử dụng, vì vậy tịch thu cho tiêu hủy.

[6.4] Đối với các vật chứng, gồm:

- 01 (một) quyển vở ô ly, nhãn hiệu “VP VIỆT HÀ”; - 01 (một) tờ giấy A4, kích thước (29,5x21)cm, một mặt của tờ A4 có các dòng chữ bằng mực màu đen; - 01 (một) tờ giấy A4, kích thước (29,5x21)cm, một mặt của tờ A4 có các dòng chữ bằng mực màu xanh; - 01 (một) tờ giấy vở kẻ ngang, kích thước (20x13,4)cm, một mặt của tờ giấy vở kẻ ngang có các dòng chữ bằng mực màu đen; - 01 (Một) bảng sao kê chi tiết giao dịch của tài khoản Ngân hàng số 0000293956881 mở tại Ngân hàng TMCP Q1 (M1), chủ tài khoản Mai Xuân H, thời gian sao kê từ ngày 01/5/2024 đến ngày 30/6/2024; - 01 (Một) bảng sao kê chi tiết giao dịch của tài khoản Ngân hàng số 101872214153 mở tại Ngân hàng TMCP C3 (V), chủ tài khoản Nguyễn Thanh B, thời gian sao kê từ ngày 01/01/2023 đến ngày 26/06/2024.

Đây là các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thanh B, Mai Xuân H nên cần tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[7]. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) là số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc dưới hình thức mua số lô, số đề ngày 16/5/2024.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 446.498.631 đồng (*Bốn trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi một đồng*). Trong đó có 430.000.000 đồng là khoản tiền dùng để cho vay cần tịch thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo B và 16.498.631 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo B đã thu của người vay.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo B nhưng chưa trả cho bị cáo, tổng số là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Cụ thể: Anh Lê Anh S phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T1 phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền là 20.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải trả lại cho 09 người đã vay tiền của B số tiền 86.101.369đ (*T2 mươi sáu triệu một trăm linh một nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng*) là tiền bị cáo B thu lời bất chính từ việc cho 09 người này vay lãi nặng, cụ thể:

Trả cho anh Lê Anh S số tiền 2.556.165 đồng; trả cho anh Trịnh Xuân C1 số tiền 65.205.479 đồng; trả cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 3.561.644 đồng; trả cho anh Phạm Xuân H1 số tiền 4.142.466 đồng; trả cho anh Phạm Văn S1 số tiền 6.547.945 đồng; trả cho anh Nguyễn Văn G số tiền 835.616 đồng; trả cho anh Đinh Ngọc K1 số tiền 2.226.027 đồng; trả cho anh Phùng Văn H2 số tiền 868.493 đồng; trả cho anh M Tuấn L số tiền 157.534 đồng.

[8] Các tình tiết khác có liên quan đối với vụ án:

- Đối với hành vi đánh bạc dưới hình thức Ba cây của Nguyễn Thanh B, Phạm Chí Đ, Nguyễn Văn C2, Phạm Phú H4, Voòng Chí H5 và hành vi dùng nhà của mình để chứa chấp việc đánh bạc của Nguyễn Thanh B ngày 25/6/2024, do lượng tiền mà các đối tượng đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và các đối tượng không có tiền án, tiền sự về hành vi, tội đánh bạc, gá bạc, nên xác định đây là hành vi vi phạm hành chính. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã chuyển phần hồ sơ có liên quan đến Công an huyện T ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thanh B, Phạm Chí Đ, Nguyễn Văn C2, Phạm Phú H4, Voòng Chí H5 và chuyển đến Công an huyện T các đồ vật, tài sản là: 52 quân bài tú lơ khơ, 01 tấm thảm lót ghế, số tiền 3.630.000 đồng, 03 chiếc điện thoại di động đã thu giữ của Voòng Chí H5, Phạm Chí Đ, Phạm Phú H4 và 03 chiếc xe mô tô thu giữ của các đối tượng đánh bạc ngày 25/6/2024 để xử lý theo vụ việc hành chính là phù hợp quy định pháp luật.

- Đối với hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề của Nguyễn Thanh B, Mai Xuân H vào các ngày 14/5/2024 và 21/6/2021, do lượng tiền mà các đối tượng sử dụng để đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và các đối tượng không có tiền án, tiền sự về hành vi, tội đánh bạc, gá bạc, nên xác định đây là hành vi vi phạm hành chính. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã chuyển hồ sơ có liên quan đến Công an huyện T ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thanh B, Mai Xuân H và chuyển đến Công an huyện T số tiền 1.250.000đ do Mai Xuân H giao nộp liên quan đến hành vi đánh bạc mua bán các số lô, số đề vào các ngày 14/5/2024 và 21/6/2024 để xử lý theo vụ việc hành chính là phù hợp quy định pháp luật.

- Đối với Ngô Văn P và Bùi Văn H6 đều không thừa nhận việc đánh bạc với bị cáo H, ngoài lời khai của bị cáo H không còn tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc đánh bạc giữa H với H6 và P. Vì vậy, chưa có căn cứ để xử lý, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

- Đối với hành vi của Nguyễn Thanh B cho Nguyễn Quốc H7 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ 1 ngày; do B cho H7 trả dần tiền gốc và không tính số tiền lãi đối với H7; tính đến khi bị phát hiện B chưa thu được tiền gốc và tiền lãi nào từ việc cho H7 vay. Như vậy, xác định hành vi cho H7 vay tiền của B

không phải là cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Vì vậy không xử lý khoản tiền B cho H7 vay trong vụ án hình sự này.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11]. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đã trình bày quan điểm luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo, đề xuất về xử lý vật chứng và án phí hình sự. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Thanh B, Mai Xuân H.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với tội “Đánh bạc”; điểm d khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh B.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mai Xuân H.

2. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và tội “Đánh bạc”. Bị cáo Mai Xuân H phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh B 120.000.000 đồng** (Một trăm hai mươi triệu đồng) nộp Ngân sách Nhà nước về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B **08 (T2)** tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo **Mai Xuân H 25.000.000 đồng** (Hai mươi lăm triệu đồng) nộp Ngân sách Nhà nước.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thanh B, Mai Xuân H.

3. Về xử lý vật chứng:

- Xác nhận Cơ quan CSĐT – Công an huyện T đã trả lại: 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 025090011788, mang tên PHẠM XUÂN H1, do Cục Cảnh sát QLHC về

TTXH Cấp ngày 28/06/2021; 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 025093014896, mang NGUYỄN VĂN T1, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Cấp ngày 07/06/2023; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số 250145003406, mang tên NGUYỄN VĂN G, do Sở G1 cấp ngày 12/01/2023, cho chủ sở hữu hợp pháp *(Theo các biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu của Cơ quan CSĐT – Công an huyện T ngày 13/10/2024 đối với Nguyễn Văn T1, ngày 16/10/2024 đối với Phạm Xuân H1 và 14/10/2024 đối với Nguyễn Văn G).*

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền Ngân hàng N1 2.400.000đ *(Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)* do Mai Xuân H giao nộp.

- Tịch thu bán nộp vào Ngân sách nhà nước: 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng hồng, tình trạng đã qua sử dụng, cài đặt mật khẩu mở khoá màn hình: 121990 của Nguyễn Thanh B và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04S, màu đen, tình trạng đã qua sử dụng, không cài đặt mật khẩu mở khoá màn hình của Mai Xuân H.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) thẻ sim, số thuê bao: 0867920444 gắn trong điện thoại Iphone 7 Plus của bị cáo B, 01 (Một) thẻ sim, số thuê bao: 0353227347 gắn trong điện thoại Samsung Galaxy A045 của bị cáo H; 01 (một) chiếc bút bi nhãn hiệu TL-036, vỏ màu xanh, mực màu xanh, đã qua sử dụng.

(Các tài sản cùng những đồ vật trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba và có đặc điểm như trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/01/2025 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba có lưu trong hồ sơ vụ án).

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) quyển vở ô ly, nhãn hiệu “VP VIỆT HÀ”; 01 (một) tờ giấy A4, kích thước (29,5x21)cm, trong giấy thể hiện nội dung anh Phạm Văn S1 vay của Nguyễn Thanh B số tiền 20.000.000đ vào ngày 02/01/2024; 01 (một) tờ giấy A4, kích thước (29,5x21)cm, trong giấy thể hiện nội dung anh Trịnh Xuân C1 vay của Nguyễn Thanh B số tiền 100.000.000đ vào ngày 17/06/2024; 01 (một) tờ giấy vở kẻ ngang, kích thước (20x13,4)cm, trong giấy thể hiện nội dung anh Mai Tuấn L vay của Nguyễn Thanh B số tiền 20.000.000đ vào ngày 12/02/2024; 01 (Một) bảng sao kê chi tiết giao dịch của tài khoản Ngân hàng số 0000293956881 mở tại Ngân hàng TMCP Q1 (M1), chủ tài khoản Mai Xuân H, thời gian sao kê từ ngày 01/5/2024 đến ngày 30/6/2024; 01 (Một) bảng sao kê chi tiết giao dịch của tài khoản Ngân hàng số 101872214153 mở tại Ngân hàng TMCP C3 (V), chủ tài khoản Nguyễn Thanh B, thời gian sao kê từ ngày 01/01/2023 đến ngày 26/06/2024. *(Các vật chứng đã lưu tại hồ sơ vụ án).*

4. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) là số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc dưới hình thức mua số lô, số đề ngày 16/5/2024.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 446.498.631 đồng (*Bốn trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi một đồng*). Trong đó có 430.000.000đ (*Bốn trăm ba mươi triệu đồng*) là khoản tiền dùng để cho vay cần tịch thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo B và 16.498.631đ (*Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi một đồng*) là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo B đã thu của người vay.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo B nhưng chưa trả cho bị cáo, tổng số là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Cụ thể: Anh Lê Anh S phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*); anh Nguyễn Văn T1 phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải trả lại cho 09 người đã vay tiền của B số tiền 86.101.369đ (*T2 mươi sáu triệu một trăm linh một nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng*) là tiền bị cáo B thu lời bất chính từ việc cho 09 người vay lãi nặng, cụ thể: Trả cho anh Lê Anh S số tiền 2.556.165đ (*Hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng*); trả cho anh Trịnh Xuân C1 số tiền 65.205.479đ (*Sáu mươi lăm triệu hai trăm linh năm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng*); trả cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 3.561.644đ (*Ba triệu năm trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng*); trả cho anh Phạm Xuân H1 số tiền 4.142.466đ (*Bốn triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*); trả cho anh Phạm Văn S1 số tiền 6.547.945đ (*Sáu triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*); trả cho anh Nguyễn Văn G số tiền 835.616đ (*Tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*); trả cho anh Đinh Ngọc K1 số tiền 2.226.027đ (*Hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*); trả cho anh Phùng Văn H2 số tiền 868.493đ (*Sáu trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng*); trả cho anh M Tuấn L số tiền 157.534đ (*Một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng*).

5. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thanh B và Mai Xuân H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần có liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Công an huyện Thanh Ba;
- Cơ quan THA hình sự huyện Thanh Ba;
- Cơ quan THA dân sự huyện Thanh Ba;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vi Thị Năm